TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/HNGĐ – ST
Ngày: 15/7/2026
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thùy Linh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thân
Bà Võ Thị Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Mạnh Hùng– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:** không tham gia phiên toà.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 296/HNGĐ-ST, ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Hà Viết T, sinh năm 1990
Trú tại: thôn H, xã B, thành phố Đ.
- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Thủy T1, sinh năm 1995
Đăng ký thường trú tại: thôn H, xã B, thành phố Đ.
Hiện tạm trú tại: ô 49, lô B, đường N, tổ A, xã B, TP.HCM
(Nguyên đơn có mặt tại phiên toà, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 20/01/2026 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn anh Hà Viết T trình bày: Anh Hà Viết T và chị Nguyễn Thị Thủy T1 tự nguyện chung sống, kết hôn năm 2017 tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước; hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong cuộc sống vợ chồng từ năm 2022 không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt, từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã, sống ly thân liên tục từ năm 2022 đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau, sống bỏ mặc nhau, kinh tế độc lập; hiện nay anh T thấy không còn tình cảm với chị T1 nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh Hà Viết T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thủy T1.

Về con chung: có 03 con chung là các cháu H Nguyễn Tú T2, sinh năm 2018; cháu Hà Tuấn K, sinh năm 2020; cháu Hà Gia K1, sinh năm 2022; sau ly hôn anh T có nguyện

vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu là Hà Nguyễn Tú T2, sinh năm 2018; cháu Hà Tuấn K, sinh năm 2020 cho đến khi các cháu thành niên; giao cháu Hà Gia K1, sinh năm 2022 cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: không có.

Về nợ chung: không có.

Ngoài ra, không yêu cầu giải quyết nội dung gì thêm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thủy T1 qua lời khai trình bày: vợ chồng tự nguyện chung sống, kết hôn năm 2017 tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước; hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật; về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh năm 2022, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 liên tục đến nay; nay anh T yêu cầu ly hôn chị Tiên đồng Ý.

Về con chung: có 03 con chung là các cháu H Nguyễn Tú T2, sinh năm 2018; cháu Hà Tuấn K, sinh năm 2020; cháu Hà Gia K1, sinh năm 2022; sau ly hôn chị Tiên đồng Ý giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu là Hà Nguyễn Tú T2, sinh năm 2018; cháu Hà Tuấn K, sinh năm 2020 cho đến khi các cháu thành niên; chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Gia K1, sinh năm 2022 cho đến khi cháu thành niên; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không yêu cầu giải quyết nội dung gì thêm.

Về tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp tài liệu, chứng cứ như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai: không tham gia phiên tòa, căn cứ Điều 232 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy trích lục kết hôn, xác định được anh Hà Viết T và chị Nguyễn Thị Thủy T1 kết hôn năm 2017 tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước; phù hợp với giấy trích lục kết hôn, được anh T giao nộp hợp pháp tại Tòa án. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Hà Viết T và chị Nguyễn Thị Thủy T1 là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Qua nội dung lời khai của anh T và chị T1 đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có sự bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mất tình cảm, sống ly thân liên tục từ năm 2022 đến nay; hiện nay anh T và chị T1 đều thấy cuộc sống vợ chồng không

có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T và ý kiến của chị T1.

[2] Về con chung: có 03 con chung là các cháu H Nguyễn Tú T2, sinh năm 2018; cháu Hà Tuấn K, sinh năm 2020; cháu Hà Gia K1, sinh năm 2022; sau ly hôn anh T và chị T1 đều thống nhất giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu là Hà Nguyễn Tú T2, sinh năm 2018; cháu Hà Tuấn K, sinh năm 2020 cho đến khi các cháu thành niên; chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Gia K1, sinh năm 2022 cho đến khi cháu thành niên; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy: Lời khai của cháu T2 có nguyện vọng chung sống với Ba, anh T xác định từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2022 đến nay anh T là người trực tiếp nuôi dương cháu T2 và cháu K, chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu K1; để các cháu tiếp tục ổn định cuộc sống sinh hoạt cần chấp nhận nguyện vọng của cháu T2 và yêu cầu của anh T, chị T1 giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu là Hà Nguyễn Tú T2, sinh năm 2018; cháu Hà Tuấn K, sinh năm 2020 cho đến khi các cháu thành niên; giao cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Gia K1, sinh năm 2022 cho đến khi cháu thành niên; về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ Luật Tố tụng dân sự đương sự phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Hà Viết T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thủy T1; giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73/2017 ngày 14/11/2017 của Ủy ban nhân dân xã U, huyện B, tỉnh Bình Phước, không có giá trị pháp lý từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: có 03 con chung là các cháu H Nguyễn Tú T2, sinh năm 2018; cháu Hà Tuấn K, sinh năm 2020; cháu Hà Gia K1, sinh năm 2022; sau ly hôn giao cho anh

T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Nguyễn Tú T2, sinh năm 2018; cháu Hà Tuấn K, sinh năm 2020 cho đến khi các cháu thành niên; giao cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Gia K1, sinh năm 2022 cho đến khi cháu thành niên; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Hà Viết T nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0004436, ngày 04/03/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP ĐỒNG NAI
- VKSND Khu vực 12;
- THADS TP Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã, TTr;
- Lưu hồ sơ vụ án (10).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LƯU THÙY LINH